**MẪU 2. TMĐT-BNG**

**THUYẾT MINH**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

# THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề tài: “……………………………..”** | | | | **Mã số của đề tài:** *(đư­ợc cấp khi hồ sơ trúng tuyển)* | |
| **2** | **Loại đề tài:**   * **Cấp quản lý: Nhà nước**  **Bộ**  **Cơ sở 🗹** * **Thuộc Ch­ương trình** (Ghi rõ tên ch­ương trình), **Mã số:** * **Độc lập** * **Khác** | | | | | |
| **3** | **Thời gian thực hiện**: 12 tháng  (Từ tháng 1/2020 đến tháng 12/2020) | | | | | |
| **4** | **Kinh phí thực hiện:**  Tổng kinh phí: 90 ***(triệu đồng)****,*trong đó:   * Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: 90 triệu đồng chẵn * Từ nguồn tự có của tổ chức: Không * Từ nguồn khác: Không | | | | | |
| **5** | **Phương thức khoán chi:**  **🗹**Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | Khoán từng phần, trong đó:  - Kinh phí khoán: …………….. *triệu đồng*  - Kinh phí không khoán: ……….*triệu đồng* | | |
| **6** | **Chủ nhiệm đề tài:** | | | | | |
| Họ và tên:  Ngày, tháng, năm sinh:Nam/ Nữ: Nam  Học hàm, học vị:  Chức vụ:  Chức danh khoa học:  Điện thoại của tổ chức: Nhà riêng: Mobile:  Fax: E-mail:  Tên tổ chức đang công tác:  Địa chỉ tổ chức:  Địa chỉ nhà riêng: | | | | | | |
| **7** | **Thư ký đề tài:** | | | | | |
| Họ và tên:  Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ:  Học hàm, học vị:  Chức vụ:  Chức danh khoa học:  Điện thoại của tổ chức: Nhà riêng: Mobile:  Fax: E-mail:  Tên tổ chức đang công tác:  Địa chỉ tổ chức:  Địa chỉ nhà riêng: | | | | | | |
| **8** | **Tổ chức chủ trì đề tài:** *(Điền thông tin của Vụ, Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ)* | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì đề tài:  Điện thoại:  E-mail:  Website:  Địa chỉ:  Họ và tên thủ trưởng tổ chức:  Số tài khoản:  Ngân hàng:  Cơ quan chủ quản đề tài: Bộ Ngoại giao | | | | | | |
| **9** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài:** (nếu có) | | | | | |
| 1. **Tổ chức 1** : .....................................................................................................................   Cơ quan chủ quản ................................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ...............................................................................................  Số tài khoản: .........................................................................................................................  Ngân hàng: ...........................................................................................................................   1. **Tổ chức 2** : ....................................................................................................................   Cơ quan chủ quản ..............................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ...........................................................................  Địa chỉ: ................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .............................................................................................  Số tài khoản: .......................................................................................................................  Ngân hàng: .......................................................................................................................... | | | | | | |
| **10** | **Các cán bộ thực hiện đề tài:** | | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những* ***nội dung chính****thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | |
|  | **Họ và tên,**  **học hàm học vị** | **Đơn vị**  **công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | | | **Thời gian làm việc cho đề tài**  *(Số ngày)[[1]](#footnote-1)* |
| 1 |  |  | Chủ nhiệm đề tài | | | … ngày |
| 2 |  |  | Thư ký khoa học | | | … ngày |
| 3 |  |  | Thành viên chính | | | … ngày |
| 4 |  |  | Thành viên chính | | | … ngày |
| 5 |  |  | … | | | … ngày |
| 6 |  |  | Thành viên | | | … ngày |
| 7 |  |  | … | | | … ngày |
| … |  |  | Nhân viên | | | … ngày |

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **11** | | | **Mục tiêu của đề tài:**  *(phát triển và cụ thể hoá định hướng các mục tiêu theo đặt hàng/đề xuất)* | | | | | | | | |
| ………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………  *Để đạt được mục tiêu trên, đề tài sẽ tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:*  ………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | |
| **12** | **Tình trạng đề tài:**  Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | | | | | | | |
| **13** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | | | | | | | |
| **13.1. *Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***  (*Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài*)  …………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………  ***13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài***  (*Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài*)  …………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | |
| **14** | | | **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:** | | | | | | | | |
| (*tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn*)  **a. *Tài liệu trong nước***   1. …. 2. …. 3. .…   …….  **b. *Tài liệu ngoài nước***   1. …. 2. …. 3. ….   ….. | | | | | | | | | | | |
| **15** | | | **Nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | | | | | |
| *(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các công việc nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung )*  ***- Nội dung chuyên môn 1*:**……………………………………………………….  + *Công việc1*: …………………………………………………………………………….  + *Công việc 2*: …………………………………………………………………………….  + Công việc 3:……………………………………………………………………………  + …  - ***Nội dung chuyên môn 2*:**. …………………………………………………………..  *+ Công việc 1*: …………………………………………………………………………...  *+ Công việc 2*: ……………………………………………………………………………  + …  -***Nội dung chuyên môn 3****:*…………………………………………………………….  *+ Công việc 1: …………………………………………………………………………………..*  *+ Công việc 2:……………………………………………………………………………………* | | | | | | | | | | | |
| **16** | | **Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | | | | | | |
| *(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)*   * S­ưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính):.......... * Hội thảo/toạ đàm khoa học (số l­ượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu): …….. * Khảo sát/điều tra thực tế trong nư­ớc (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phư­ơng pháp): ……… * Khảo sát nư­ớc ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung): * ........ | | | | | | | | | | | |
| **17** | | | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:** | | | | | | | | |
| *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*  -***Cách tiếp cận***: …………………………………………………………………………  *(Tiếp cận đa ngành, tiếp cận liên ngành, tiếp cận hệ thống, tiếp cận lý thuyết…)*  -***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***: ………………………………………..  …………………………………………………………………………………………….  *(Phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp nghiên cứu hệ thống và liên ngành, Phương pháp so sánh, Phương pháp chuyên gia, Phương pháp nghiên cứu dự báo,… kỹ thuật khảo sát, thống kê kết quả điều tra, kỹ thuật phỏng vấn, tổ chức hội thảo tọa đàm khoa học…)* | | | | | | | | | | | |
| **18** | | | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:** | | | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có)*  ……………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | |
| **19** | | | **Phương án hợp tác quốc tế:** (nếu có) | | | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*  …………………………………………………………………………………………..  …………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | |
| **20** | | | **Kế hoạch thực hiện:** | | | | | | | | |
| **TT** | | | **Các nội dung,**  **công việc** | **Khối lượng và kết quả phải đạt** | | **Tiến độ tháng** | | **Cá nhân,  tổ chức  thực hiện\*** | | **Dự kiến (ngày công)** | |
| **1.** | | | **Xây dựng thuyết minh chi tiết** | Báo cáo thuyết minh đề tài được duyệt | | 01/2020  đến  10/2020 | | Nguyễn Văn A | | ....... | |
|  | | | Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu | Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu | | 3/2020 | | Nguyễn Văn B | |  | |
| **2.** | | | **Các nội dung nghiên cứu chính:** | | | | | | | | |
| 2.1 | | | Nội dung chuyên môn thứ 1: … | | - Báo cáo 02 công việc  - Báo cáo tổng hợp ND chuyên môn 1 | | 01/2020  đến  10/2020 | | Nguyễn Văn A | | ....... |
| Nguyễn Văn B | | ....... |
| Nguyễn Văn C | | ....... |
| 2.2 | | | Nội dung chuyên môn thứ 2: … | | - Báo cáo 02 công việc  - Báo cáo tổng hợp ND chuyên môn 2 | | 01/2020  đến  10/2020 | | Nguyễn Văn A | | ....... |
| Nguyễn Văn D | | ....... |
| Nguyễn Văn E | | ....... |
| 2.3 | | | Nội dung chuyên môn thứ 3: … | | - Báo cáo 02 công việc   * Báo cáo tổng hợp ND chuyên môn 3 | | 01/2020  đến  10/2020 | | Nguyễn Văn A | | ....... |
| Nguyễn Văn B | | ....... |
| Nguyễn Văn E | | ....... |
| **3.** | | | **Báo cáo khoa học tổng kết đề tài (bao gồm báo cáo chính, báo cáo tóm tắt, báo cáo tự đánh giá)** | | Thực hiện được mục tiêu, yêu cầu đặt ra, trình bày theo đúng quy định | | 11/2020 | | Nguyễn Văn A | | ....... |
| Nguyễn Văn B | | ....... |

*\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10*

1. **SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **21** | | **Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt:** *(liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | |
| **21.1 Dạng I**:Báo cáo khoa học (báo cáo nội dung chuyên môn, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác. | | | | | |
| **TT** | | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | **Ghi chú** |
| 1 | | Báo cáo các công việc nội dung chuyên môn | Đảm bảo nội dung hình thức  Được Ban chủ nhiệm nghiệm thu | | (6 công việc  3 nội dung) |
| 2 | | Báo cáo chính tổng kết đề tài (Báo cáo tổng quan) | Đảm bảo nội dung hình thức  Được hội đồng của Bộ Ngoại giao đánh giá nghiệm thu | | Độ dài từ 80 đến 120 trang |
| 3 | | Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu | Đảm bảo nội dung hình thức  Được hội đồng của Bộ Ngoại giao đánh giá nghiệm thu | | Độ dài từ 5 đến 10 trang bao gồm cả phần kiến nghị |
| 4 | | Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện và kết quả tự đánh giá | Đảm bảo nội dung hình thức  Được Ban chủ nhiệm nghiệm thu | | Theo mẫu quy định |
| **21.2 Dạng II:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố** *(Tạp chí, Nhà xuất bản)* | **Ghi chú** |
|  | Bài đăng báo, tạp chí | | Đăng trên 1 tạp chí khoa học | Tạp chí …. |  |
|  | Sách chuyên khảo | |  | Nhà xuất bản … |  |
| **22** | **Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:** | | | | |
| ***22.1 Lợi ích của đề tài:***  *a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)*  *b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)*  ***22.2Phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:***  *(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)* | | | | | |
|  | | | | | |

**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

# (Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **23** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi:** | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách SNKH: | **90,000,000** | **……,000** |  |  |  | **…..,000** |
| 2 | Nguồn khác  (vốn huy động, ...) |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày……tháng 2 năm 2020* |
| **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* | **CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI** *(Họ tên và chữ ký)* |

**Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán đề tài/nhiệm vụ**

**1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp.**

a) Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai đề tài/nhiệm vụ bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Dự kiến kết quả** |
| 1 | Nghiên cứu tổng quan | Bản thuyết minh đề tài/nhiệm vụ, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu |
| 2 | Nghiên cứu đánh giá thực trạng | Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu |
| 3 | Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu | Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu |
| 4 | Nghiên cứu nội dung chuyên môn | Báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên môn |
| 5 | Đề xuất giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác | Báo cáo đề xuất giải pháp (báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, ấn phẩm khoa học và kết quả khác) |
| 6 | Tổng kết, đánh giá | Báo cáo khoa học tổng kết đề tài (Báo cáo chính, báo cáo tóm tắt) và báo cáo kiến nghị (nếu có) |

Trong trường hợp cụ thể, đề tài/nhiệm vụ có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện đề tài/nhiệm vụ được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

**2. Định mức dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:**

**Tc = Lcs x Hstcn x Snc**

Trong đó:

**Tc**: Dự toán tiền công của chức danh

**Lcs**:Lương cơ sở do Nhà nước quy định (Áp dụng cho năm 2018 là: 1.300.000 đồng, Áp dụng cho năm 2019 là: 1.390.000 đồng )

**Hstcn**: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

**Snc**: Số ngày công của từng chức danh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức danh** | **Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn) áp dụng đối với nhiệm vụ cấp Nhà nước** | **Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn) áp dụng đối với nhiệm vụ cấp Bộ** | **Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn) áp dụng đối với nhiệm vụ cấp Cơ sở** |
| **1** | Chủ nhiệm nhiệm vụ | 0,79 | 0,48 | 0,36 |
| **2** | Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học | 0,49 | 0,32 | 0,22 |
| **3** | Thành viên | 0,25 | 0,16 | 0,12 |
| **4** | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, thư ký HC, kế toán | 0,16 | 0,12 | 0,10 |

1. Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng [↑](#footnote-ref-1)